

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/8/2020.

V/v: “*Xin ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.

2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá* tham gia phiên tòa: Bà **Thị Thu Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 43 đường Phan Đăng Lưu, khu phố 4, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 43 đường Phan Đăng Lưu, khu phố 4, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Thanh T thông qua mai mối nên quen biết, yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và lối sống, ông T hay ghen tuông và chửi bới bà H vô cớ, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, bà H và ông T đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Đến ngày 24/01/2018, ông T tự ý bỏ đi đâu không báo với gia đình và từ đó cho đến nay gia đình bà không liên lạc được với ông T, gia đình cũng đã đi tìm nhiều lần nhưng không có tin tức gì về việc ông T hiện nay đang sống hay làm việc ở đâu. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T quá trình chung sống có 04 người con chung, gồm:

- + Trần Hữu L, sinh ngày 09/02/2000.
- + Trần Hiếu N, sinh ngày 16/10/2003.
- + Trần Minh K, sinh ngày 10/9/2005.
- + Trần Hiếu NH, sinh ngày 15/6/2007.

Hiện nay các con chung đều đang sống cùng với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Trần Hiếu N, Trần Minh K và Trần Hiếu NH. Bà H xác định đủ điều kiện và khả năng nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Trần Hữu L, đã thành niên, có hành vi năng lực dân sự đầy đủ và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Bị đơn ông Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn giải quyết vụ án, đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không làm ảnh hưởng nội dung vụ án, cần rút kinh nghiệm giải quyết.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không công nhận bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Thanh T là vợ chồng, do bà H và ông T chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; giao các con chung

tên Trần Hiếu N, sinh ngày 16/10/2003, Trần Minh K, sinh ngày 10/9/2005 và Trần Hiếu NH, sinh ngày 15/6/2007 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Thanh T có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ số 43 đường Phan Đăng Lưu, khu phố 4, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, từ thời điểm chung sống với nhau cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống, bà H cho rằng ông T hay ghen tuông và chửi bới vợ vô cớ, tình trạng vợ chồng mâu thuẫn và căng thẳng kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Tại phiên tòa, bà H khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa bà H và ông T là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Ngọc H xác nhận giữa bà và ông T có 04 người con chung, gồm:

- + Trần Hữu L, sinh ngày 09/02/2000.
- + Trần Hiếu N, sinh ngày 16/10/2003.
- + Trần Minh K, sinh ngày 10/9/2005.
- + Trần Hiếu NH, sinh ngày 15/6/2007.

Hiện nay các con chung đều đang sống cùng với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Trần Hiếu N, Trần Minh K và Trần Hiếu NH. Đối với con chung tên Trần Hữu L, đã thành niên, có hành vi năng lực dân sự đầy đủ và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy các con chung đang sống cùng với bà H, nên cần thiết giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Ngọc H.

Ông Trần Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện các quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà H xác định đủ điều kiện nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Ngọc H xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009695 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Ngọc H và ông Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Trần Hiếu N, sinh ngày 16/10/2003, Trần Minh K, sinh ngày 10/9/2005 và Trần Hiếu NH, sinh ngày 15/6/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu sau này, trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, bà H gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trong trường hợp bà H không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H xác nhận giữa bà và ông Trần Thanh T không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Trần Thanh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009695 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/8/2020). Bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Rạch Giá;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh

